TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 15/01/2025.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 236/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166A/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101A/2024/QĐ-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Trụ sở: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Liên Thanh Vũ (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 782 Hùng V, khu vực 3, phường Ngã B, thành phố Ng, tỉnh H.

(Giấy ủy quyền ngày 01/12/2023).

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/7/2019 nguyên đơn Công ty cổ phần S (Trước đây là Công ty TNHH Srisawad Việt Nam) và bị đơn Trần Ngọc T có ký kết hợp đồng cầm cố số HGM190701003 tài sản là xe máy biển số 95H1 – 358.11, loại xe YAMAHA Exciter 150cc, màu đen đỏ, số khung RLCUG061FY055986, số máy G3D4E062291, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 027073 do Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01/3/2018. Số tiền cầm cố tài sản 7.000.000đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 02/7/2019 đến ngày 02/7/2020), lãi suất là 1,1%/ tháng, phí quản lý hồ sơ cố định là 1,9%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hồ sơ và nhận tiền. Phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền tính đến ngày 05/12/2024 là 14.068.600đồng. Trong đó nợ gốc là 7.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 847.000đồng, tiền lãi quá hạn là 6.221.600đồng. Ngoài ra còn yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 06/12/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn Trần Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì trả lại chiếc xe mô tô hai bánh đã cầm cố theo hợp đồng đã ký kết. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả phần phí thẩm định tài sản hàng tháng tính đến ngày 17/10/2024 là 20.294.185đồng.

Bị đơn Trần Ngọc T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

*** Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt quy định pháp luật, vắng mặt nhiều lần mặc dù được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 217, Điều 147 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 310, Điều 316, Điều 357, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S có ký với bị đơn Trần Ngọc T hợp đồng cầm cố ngày 02/7/2019 để vay tiền của nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn là pháp nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngành nghề nguyên đơn kinh doanh là đúng danh mục đăng ký và được điều chỉnh theo quy định của pháp luật. Xét đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Quá trình tố tụng bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền cùng toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện: Căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản số HGM190701003 tài sản là xe máy biển số 95H1 – 358.11, loại xe YAMAHA Exciter 150cc, màu đen đỏ, số khung RLCUG061FY055986, số máy G3D4E062291, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 027073 do Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01/3/2018. Số tiền cầm cố tài sản 7.000.000đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 02/7/2019 đến ngày 02/7/2020). Sau khi nhận tiền thì ông T không có thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến hạn trả nợ thì ông T không trả nợ cho Công ty cổ phần Sawad Tền Có Ngay. Do đó, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần S yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật. Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho công ty Sawad Tền Có Ngay số tiền gốc còn nợ là 7.000.000đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty cổ phần S thấy rằng: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số HGM190701003 thì lãi suất là 1,1%/ tháng, phí thẩm định tài sản 1,9%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hồ sơ và nhận tiền. Phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần S yêu cầu ông T phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền ông T còn nợ Công ty cổ phần S tạm tính đến ngày 05/12/2024 là 14.068.600đồng. Trong đó nợ gốc là 7.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 847.000đồng, tiền lãi quá hạn là 6.221.600đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Hợp đồng cầm cố tài sản giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, đến hạn trả nợ bị đơn Trần Ngọc T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền còn nợ tính đến ngày 05/12/2024 là 14.068.600đồng. Trong đó nợ gốc là 7.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 847.000đồng, tiền lãi quá hạn là 6.221.600đồng. Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án. Trường hợp bị đơn Trần Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì trả lại chiếc xe mô tô hai bánh đã cầm cố theo hợp đồng cầm cố số số HGM190701003 ngày 02/7/2019.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả phần phí thẩm định tài sản hàng tháng tính đến ngày 17/10/2024 là 20.294.185đồng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị đơn Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 703.430đồng.

14.068.600đồng x 5% = 703.430đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 217, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 309, Điều 310, Điều 316, Điều 357, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S đối với bị đơn Trần Ngọc Tín.

2. Buộc bị đơn Trần Ngọc T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền tạm tính đến 05/12/2024 là 14.068.600đồng. Trong đó nợ gốc là 7.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 847.000đồng, tiền lãi quá hạn là 6.221.600đồng.

3. Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án.

4. Trường hợp bị đơn Trần Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì trả lại chiếc xe mô tô hai bánh đã cầm cố theo hợp đồng cầm cố số số HGM190701003 ngày 02/7/2019.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phí thẩm định tài sản hàng tháng tạm tính đến ngày 17/10/2024 là 20.294.185đồng.

6. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 703.430đồng (bảy trăm lẻ ba nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 718.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003373, ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

7. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC.THADS huyện Châu Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường